

B NG T NG K TK TQU H CT PN MH C 2012-2013 - L N CU I
(L y k t qu Ei m thi l n cu i)

L p h c: 36CKT2

Ng@nh: K to ñn

B c: Cao E ng ch nh quy

STT	Mí S	H Vĩ T c N	ñ M TBC	XLHT	ñ M RC N LUY N	S MBN < 5	K LU T	Xe T THEO QUY CH	Qñ C AH I ñ NG	Anh vñ c b n	Anh vñ TOEIC	Gi o d c h ch t 1	Gi o d c h ch t 2	Gi o d c h ch t 3	K to n t ch nh p h n 1	K to n th c ong	Kinh t v ñm»	Kinh t v ñam»	Nguy n l l k to n	Nguy n l l th ng k 2	Nh ng nguy n l l CB c a CN - MLN	Ph p ñu t l i c ng	Quy ho ch tuy n t ñh	T m l l h c l i c ng	Tinh c l i c ng	Tinh c vñ ph ñng	To n c ao c p
										4	4	1	1	1	5	2	3	3	4	2	5	2	3	2	2	3	5
1	3673011034	H L² Ng c An	5.67	TB	60					5.4	5.9	6.0	7.0	6.0	5.9	5.0	4.6	5.7	5.5	5.2	7.1	6.2	3.3	6.3	8.3	9.7	2.7
2	3673010634	Nguy n Thi² n An	4.17	Y u	55					5.2	6.8	8.0	6.0	7.0	3.4	5.3	4.9	0.5	5.0	4.5	5.4	6.2	0.2	5.7	6.3	0.0	3.9
3	3673010454	Nguy n Th Ng c Ánh	2.12	Kém	53					2.3					0.0		4.3	0.0	2.0	2.7		2.0		2.4	1.2	0.0	5.5
4	3673011014	Tr n Th Ánh	6.24	TB khá	68					5.9	7.7	8.0	7.0	8.0	5.8	5.6	4.2	5.2	6.1	7.8	7.3	6.2	6.9	6.1	5.4	8.6	4.9
5	3673011620	Nguy n Ng c Bích	5.52	TB	55					6.0	6.5	8.0	6.0	9.0	5.8	3.2	4.3	5.8	6.5	6.5	5.5	5.5	0.1	6.2	8.1	7.0	5.5
6	3673011925	Nguy n Th Ng c Bích	5.92	TB	65					5.7	6.2	4.0	4.0	8.0	5.6	6.6	6.0	5.2	6.8	8.2	5.8	5.2	4.0	5.8	7.0	6.8	5.3
7	3673010676	Nguy n Minh Cang	5.98	TB	68					4.0	6.5	10	7.0	8.0	6.3	6.2	4.9	5.3	6.0	7.5	7.0	5.8	5.8	5.6	5.7	9.3	4.6
8	3673010420	Nguy n Th B´ch Chi	6.13	TB khá	68					5.7	8.2	10	6.0	6.0	6.1	5.1	5.0	5.2	4.8	8.1	6.5	6.3	6.9	5.1	7.0	8.5	4.5
9	3673011861	Huunh Th M Dung	6.63	TB khá	80					6.2	7.8	8.0	7.0	8.0	5.4	8.2	4.9	5.3	6.0	6.9	6.2	6.5	7.2	5.6	6.7	9.9	7.4
10	3673011002	Tr n Th M Dung	6.60	TB khá	68					5.8	8.4	6.0	5.0	8.0	6.8	6.2	5.9	5.1	5.9	8.0	6.2	6.5	8.9	6.1	8.3	7.0	5.4
11	3673011255	Tr n Th Ng c Dung	6.34	TB khá	68					6.1	7.7	8.0	9.0	7.0	6.5	6.2	5.0	5.6	5.3	7.4	6.5	6.9	7.2	6.1	5.3	9.7	4.6
12	3673010414	Tr n Th Th½y D ng	5.36	TB	70					5.9	6.8	7.0	4.0	6.0	5.3	5.8	4.7	5.3	5.0	5.9	6.2	5.8	4.9	5.8	4.9	6.6	2.7
13	3673011525	Huunh Hoa Trang ñ @	7.05	Khá	85					7.0	9.2	5.0	5.0	9.0	7.8	8.3	6.0	5.6	5.4	5.2	7.7	8.2	8.3	5.8	6.0	9.1	5.5
14	3673010554	Nguy n Ph c Gi i	6.25	TB khá	65					5.2	8.6	10	9.0	7.0	4.7	4.8	5.2	5.1	6.5	7.5	7.0	6.9	7.2	5.6	6.0	8.0	5.7
15	3673010811	Nguy n Th M ng Hà	7.24	Khá	88					8.1	8.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	5.9	6.2	6.7	8.7	7.1	6.9	9.0	6.3	8.7	6.2	6.3
16	3673011917	Nguy n Th Thu Hà	6.53	TB khá	70					5.9	8.7	8.0	6.0	7.0	6.1	5.0	5.0	5.0	6.7	8.2	8.1	6.5	5.0	5.8	6.3	9.0	5.6
17	3673010892	ñ ng Th Thanh H ng	6.44	TB khá	65					5.6	7.1	5.0	5.0	8.0	7.8	5.0	4.2	3.8	7.1	5.7	6.8	5.8	9.2	5.5	7.6	6.9	6.4
18	3673010835	L² Th Thu H ng	3.17	Kém	53					5.1					0.0		4.2	0.0	4.7	3.6	1.7	6.5		5.6	9.0	0.0	3.4
19	3673011045	VIOVñ H u	2.80	Kém	53					4.3					0.0		5.0	0.0	3.7	4.8	1.8	4.6		4.8	5.8	0.0	3.2
20	3673011898	Nguy n Th Thu Hi n	0.14	Kém	40										0.0		0.0	0.0	0.0	0.0		0.0		0.0	0.0	0.0	1.0
21	3673011284	VIOTh Hi n	0.00	Kém	40										0.0		0.0	0.0	0.0	0.0		0.0		0.0	0.0	0.0	0.0
22	3673011239	Nguy n Th Hi u	5.81	TB	68					4.7	7.2	8.0	5.0	9.0	5.2	6.4	5.0	5.2	5.1	5.7	7.0	6.5	7.6	6.0	5.1	7.7	4.0
23	3673010673	Tr n Minh Hi u	0.00	Kém	40										0.0		0.0	0.0	0.0	0.0		0.0		0.0	0.0	0.0	0.0
24	3673011304	Nguy n Qu c Hoà	0.13	Kém	40										0.0		0.0	0.0	0.0	0.0		0.0		0.0	0.0	0.0	0.9
25	3673011834	Nguy n Th Th¾y Hòa	6.21	TB khá	80					6.0	5.4	8.0	6.0	9.0	5.6	6.8	5.7	5.9	7.0	7.0	6.9	6.2	6.8	6.0	7.0	7.8	4.7
26	3673011289	Ph m Th Hoài	5.27	TB	65					5.3	7.3	5.0	5.0	7.0	6.0	4.6	4.3	6.0	6.4	4.1	5.8	5.6	4.5	5.4	5.6	6.0	2.0
27	3673010450	Nguy n Th H ng	0.00	Kém	40										0.0		0.0	0.0	0.0	0.0		0.0		0.0	0.0	0.0	0.0
28	3673011617	Ti n Minh Hùng	2.42	Kém	53					4.0					0.0	0.0	4.3	0.0	4.1	3.3	1.8	4.8	0.0	4.9	6.3	0.0	3.2
29	3673010915	L ng Th Kim Huy n	6.72	TB khá	85					6.1	8.5	10	6.0	8.0	5.1	5.5	4.9	5.8	5.7	8.0	7.9	6.3	8.7	5.4	9.4	9.9	5.2
30	3673011949	L² Th Thu H ng	6.49	TB khá	65					5.1	8.0	8.0	5.0	8.0	6.8	7.0	5.6	5.1	5.6	8.5	7.2	6.9	6.7	5.8	6.0	7.2	6.2
31	3673010848	Tr n Ng c My H ng	6.80	TB khá	78					5.7	8.1	8.0	5.0	9.0	7.4	6.1	4.5	5.3	8.3	4.2	8.2	7.6	8.7	6.2	6.2	9.9	4.2
32	3673011242	Nguy n Th Ki u	6.31	TB khá	70					6.0	8.7	5.0	7.0	9.0	6.0	5.5	5.3	5.8	6.5	8.5	5.8	7.6	7.2	5.8	5.0	5.5	5.8
33	3673010883	Tr n M Kim	5.58	TB	65					5.0	5.4	6.0	5.0	7.0	6.1	6.5	4.7	5.7	6.1	7.2	5.8	6.2	5.1	5.8	4.8	8.6	2.9

STT	Mí S	H Vì Tén		hĩ M TB C	XLHT	hĩ M R C N L U Y N	S M B N < 5	K L U T	X c T T H E O Q U Y C H	Q ã C A H I ã N G	A ã h v ã h c b n										T ã n c a o c p							
											4	4	1	1	1	5	2	3	3	4	2	5	2	3	2	5		
34	3673011996	Xuân Thúy	Kim	6.45	TB khá	65					5.7	7.9	5.0	5.0	8.0	6.6	6.4	5.3	4.9	6.0	6.5	7.1	6.9	5.8	5.6	8.0	9.3	5.3
35	3673010539	Nguy n D ã ng Th ã y	Linh	5.11	TB	55					6.4	2.2	8.0	5.0	9.0	5.3	5.6	5.0	4.5	4.2	6.6	6.3	5.8	1.5	6.2	10	7.5	3.5
36	3673010765	Tr ã nh Th C m	Linh	6.12	TB khá	68					6.3	8.0	7.0	6.0	8.0	5.6	5.7	5.0	5.1	6.4	8.2	6.6	6.3	5.3	5.9	5.0	9.2	4.0
37	3673011298	Nguy n V ã N	L i	6.64	TB khá	85					5.8	8.1	10	7.0	8.0	6.9	5.8	5.5	5.3	6.5	6.8	7.7	6.2	7.8	5.6	6.8	9.0	5.1
38	3673010561	Qu ã ch Th	L ã ng	5.84	TB	65					5.5	7.0	10	6.0	7.0	5.7	6.5	5.0	5.6	6.7	5.5	6.9	5.5	5.7	5.3	5.7	4.7	5.3
39	3673010749	Nguy n Th K i u	My	4.73	Y u	65					5.6	5.2	6.0	6.0	7.0	4.1	5.5	4.9	5.0	6.0	3.8	5.5	5.5	0.1	5.5	4.1	6.4	3.7
40	3673011011	Tr ã n Th K i u	My	5.99	TB	65					4.5	6.2	8.0	8.0	7.0	5.6	5.2	4.9	5.0	5.8	8.5	6.5	6.2	8.1	5.3	8.3	7.7	4.6
41	3673011022	Tr ã n Th Ly	Na	3.06	Kém	53					4.2					0.0		4.0	0.0	4.0	6.8	2.0	6.0		4.9	7.0	0.0	3.6
42	3673010552	H Th ã Nh	Ng c	6.12	TB khá	68					4.4	6.0	8.0	5.0	6.0	4.9	5.0	4.9	5.6	7.2	7.5	5.9	6.2	8.3	5.6	8.0	6.7	6.9
43	3673011265	Ph m Th H ã ng	Ng c	7.15	Khá	83					5.5	8.3	10	8.0	9.0	6.7	6.9	5.9	5.0	8.0	8.6	8.5	7.3	8.7	5.9	7.8	9.9	5.1
44	3673010979	Tr ã n Th Nh	Ng c	0.34	Kém	40										0.0		0.8	0.0	0.0	0.0		0.0		2.0	0.0	0.0	1.1
45	3673011517	Nguy n Th Th o	Nguyễn	4.46	Y u	55					4.9					0.0		4.9	0.0	5.9	7.6		7.5		7.0	8.3	0.0	7.5
46	3673010737	D ã ng B u	Nguy t	6.15	TB khá	65					5.6	7.6	10	8.0	7.0	6.6	4.3	4.2	6.0	5.7	7.5	6.0	5.7	6.8	6.3	6.4	9.1	4.8
47	3673010699	ã o ã Th Thanh	Nguy t	6.83	TB khá	65					4.6	8.1	8.0	6.0	5.0	6.5	6.2	5.2	5.9	7.0	9.6	6.3	6.7	8.6	5.5	7.1	9.0	7.1
48	3673010771	Nguy n Th ã y	Nhi	5.45	TB	65					5.2	6.9	4.0	5.0	8.0	6.2	1.5	4.7	4.9	5.3	5.1	6.1	7.8	5.6	6.3	5.6	7.9	2.8
49	3673010778	B ã i Th Ph ã ng	Nhung	3.77	Kém	53					4.5					0.0		5.9	0.0	5.9	8.1	1.8	6.4		6.5	6.3	0.0	5.6
50	3673010603	Nguy n Th C m	Nhung	6.50	TB khá	80					5.2	7.5	8.0	7.0	8.0	7.0	8.0	5.9	5.7	5.7	5.7	6.4	7.1	7.1	5.8	8.6	7.9	5.5
51	3673010410	L c Gia	Ph i	3.43	Kém	53					7.1					0.0		4.0	0.0	5.8	5.0	1.8	6.0		6.3	8.3	0.0	2.7
52	3673011883	V ã ã Ng c	Phú	7.08	Khá	80					7.2	8.7	8.0	5.0	8.0	7.2	5.2	5.2	5.6	6.4	7.2	6.6	7.8	9.4	5.8	5.6	8.4	7.9
53	3673011568	Hu ã nh Th M	Ph ã ng	7.31	Khá	98					5.5	8.9	8.0	5.0	7.0	8.3	7.6	6.6	6.3	6.9	8.0	7.8	6.4	8.3	6.0	5.9	8.4	7.2
54	3673010489	Ho ã ng Thu	Ph ã ng	5.48	TB	65					5.4	7.3	8.0	5.0	7.0	4.7	5.8	4.9	5.1	5.7	4.9	6.9	6.4	4.4	5.4	5.9	6.3	3.6
55	3673011865	D ã ng Th Thanh	Ph ã ng	6.19	TB khá	65					5.1	7.1	5.0	5.0	8.0	7.3	5.5	5.0	5.0	7.2	6.4	6.6	6.0	5.2	5.1	6.4	8.2	5.4
56	3673011624	Nguy n Th M ã nh	Quý	0.88	Kém	50					1.2					0.0		1.8	0.0	1.8	1.4		1.8		2.3	0.0	0.0	0.5
57	3673010741	Ph m Thanh	Quyên	5.67	TB	63					6.4	5.3		5.0	8.0	5.9	7.4	6.7	5.2	6.6	6.3	6.7	6.0	0.0	5.6	7.4	6.2	4.4
58	3673010707	Nguy n V ã N	Sang	4.27	Y u	65					4.3	4.5	10	8.0	9.0	4.6	3.5	4.3	4.5	5.4	3.2	6.0	5.0	0.8	6.3	6.7	4.8	1.4
59	3673010470	Tr ã n Th	Sen	6.23	TB khá	70					5.4	7.4	6.0	5.0	8.0	5.4	7.0	5.7	5.7	5.4	7.8	6.9	6.4	8.0	6.5	5.0	5.6	6.1
60	3673010559	ã ã ng Th	S ã ng	6.33	TB khá	68					5.1	7.5	7.0	7.0	8.0	7.2	6.6	5.0	5.3	6.2	8.0	6.6	6.7	7.3	5.4	5.6	7.7	5.1
61	3673010601	Ngô Thanh	Tâm	5.97	TB	75					6.0	5.9	10	7.0	9.0	5.9	5.9	4.5	5.3	6.9	8.2	6.9	5.0	5.6	5.1	7.0	9.0	3.5
62	3673011836	Nguy n Ng c M ã nh	Tân	6.20	TB khá	60					5.3	8.0	8.0	5.0	8.0	5.1	6.6	5.3	5.4	6.7	7.1	6.9	5.7	7.4	5.6	8.0	7.2	4.4
63	3673010949	Tr ã n M ã nh	Tân	2.92	Kém	53					4.6					0.0		4.9	0.0	5.0	3.0	1.8	6.4		6.7	7.0	0.0	1.7
64	3673010838	Nguy n Th C m	Tiên	6.34	TB khá	65					6.5	7.7	4.0	5.0	6.0	5.6	6.1	5.0	5.6	7.6	7.2	7.6	6.9	5.1	5.9	5.2	7.4	5.1
65	3673010935	Lý M ã nh	Tú	3.13	Kém	50						3.9				2.3	1.8	5.9	1.3	3.7	1.7	1.8	5.7	1.1	5.4	7.0	0.9	6.3
66	3673010630	Ng ã Th M B	Tú	6.54	TB khá	70					6.6	7.3	8.0	6.0	8.0	6.1	6.2	5.3	5.7	6.7	7.6	5.9	6.7	7.9	5.8	8.0	8.3	5.6
67	3673010941	Nguy n Th B ã ch	Tuy n	7.10	Khá	80					7.6	9.1	6.0	5.0	9.0	6.8	5.7	5.0	7.0	7.3	8.1	8.0	6.4	8.5	6.3	9.1	6.2	5.3
68	3673011623	Nguy n Th ã Nh	Tuy t	5.60	TB	70					5.0	6.0	6.0	5.0	7.0	5.3	4.3	5.0	5.1	5.6	6.4	6.3	5.3	7.2	6.1	6.3	7.0	4.1
69	3673010604	Nguy n Th Thanh	Th o	7.30	Khá	85					6.8	9.2	8.0	6.0	9.0	6.1	6.1	5.7	5.5	7.2	7.6	8.4	7.4	8.6	6.6	10	9.1	6.1
70	3673010719	Phan Th Ph ã ng	Th o	7.71	Khá	98					6.5	9.3	6.0	5.0	8.0	8.2	9.0	6.3	6.0	6.6	8.6	8.6	8.1	10	6.1	8.6	9.3	5.7
71	3673010966	Tr ã ng Th	Thu	1.37	Kém	55					1.6					0.0		2.0	0.0	2.9	2.7		1.8		2.3	2.1	0.0	1.2
72	3673010844	Mai Th Ng c	Thu	2.95	Kém	50					4.4					0.0		4.8	0.0	6.6	2.7		5.7		5.6	7.7	0.0	0.3

STT	Mí S	H Vì Tén	hĩ M TBC	XLHT	hĩ M RCN LUY N	S MBN < 5	K LU T	Xa T THEO QUY CH	Qũ C AH Iũ NG	Ành vớĩ c b n	Ành vớĩ TOEIC	Gfod c th ch t1	Gfod c th ch t2	Gfod c th ch t3	K to n tũ chũn ph n 1	K to n th c ơng	Kinh t vĩm»	Kinh t vBm»	Nguy²n II k to n	Nguy²n II th th ng k²	Nh ng nguy²n II CB c a CN - MLN	Phĩ p lu t l i c ng	Quy ho ch tuy n trũh	T²m II h c l i c ng	Tinh h c l i c ng	Tinh h c vĩn ph ơng	To n cao c p
										4	4	1	1	1	5	2	3	3	4	2	5	2	3	2	2	3	5
73	3673010608	Tr ng Th Thu	6.12	TB khá	65					5.3	7.6	8.0	7.0	8.0	5.8	4.7	4.7	5.0	7.6	7.5	5.9	6.4	7.1	6.1	5.7	6.8	5.6
74	3673011681	V½Th Thu	6.96	TB khá	53					5.4	5.9	10	8.0	8.0	6.0	7.3	6.0	5.0	7.7	8.3	8.6	6.7	10	7.2	6.6	7.7	6.7
75	3673010599	V½Th Thanh Thuý	5.71	TB	70					6.1	5.2	4.0	4.0	6.0	5.9	5.2	4.0	5.5	6.2	7.5	6.9	6.0	6.5	6.3	6.9	6.2	3.1
76	3673011044	Nguy n Th Th ng	6.79	TB khá	85					5.0	8.3	10	8.0	9.0	8.0	6.9	5.2	6.2	5.4	7.6	6.5	6.1	8.6	6.3	7.0	9.0	6.1
77	3673010931	Ph m Th Thu Trang	5.90	TB	53					5.0	8.1		5.0	9.0	5.8	4.8	5.2	6.0	5.8	7.1	7.9	7.8	4.9	5.8	3.9	5.4	4.3
78	3673011586	L² Th Huy n Trâm	6.14	TB khá	65					6.5	6.6	6.0	5.0	7.0	6.8	5.9	5.0	5.4	7.0	7.3	7.0	5.3	5.0	5.4	6.2	6.9	4.9
79	3673010459	Th ² i Ng c B o Trâm	6.06	TB khá	73					5.4	8.0	6.0	6.0	6.0	5.9	5.6	5.2	5.7	6.9	8.0	6.2	5.5	5.2	6.2	5.9	8.8	3.6
80	3673010517	ũ Minh Trí	4.94	Y u	80					5.0	7.1	10	5.0	8.0	4.4	2.1	4.0	5.3	6.0	6.1	5.9	5.0	5.1	5.4	4.7	5.7	2.3
81	3673010998	Tr n Th Thanh Trúc	6.57	TB khá	70					5.7	7.7	8.0	7.0	8.0	6.1	6.2	4.9	5.2	5.2	8.1	6.9	7.1	8.4	6.3	6.5	8.4	6.7
82	3673010912	Nguy n Ng c Vui	6.96	TB khá	83					6.7	8.0	6.0	5.0	7.0	6.8	6.4	5.2	6.1	7.6	5.9	7.8	7.4	9.9	6.5	6.9	6.9	5.7
83	3673011840	Nguy n Kim Xinh	0.00	Kém	40										0.0		0.0	0.0	0.0	0.0		0.0		0.0	0.0	0.0	0.0
84	3673010616	Di p H ng Y n	6.20	TB khá	83					5.5	8.3	5.0	7.0	8.0	5.3	5.0	5.2	5.5	5.9	6.6	6.3	6.4	6.6	5.4	7.9	8.3	5.5
85	3673010695	Nguy n Th Ho Ơng Y n	5.67	TB	65					5.9	6.2	6.0	5.0	6.0	6.5	5.3	5.0	5.1	7.6	5.7	6.4	6.4	5.7	6.0	6.0	6.0	2.1

X p lo i	SL	T l
XU T S C	0	0%
GI I	0	0%
KHÁ	8	9.41%
TRUNG BÌNH KHÁ	34	40.0%
TRUNG BÌNH	19	22.35%
Y U	5	5.88%
KÉM	19	22.35%

TP.HCM, ngày 26 tháng 9 năm 2013

TR NG KHOA

TP. ấ i O T O

HI U TR NG